

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đông

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh: Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 253/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 198x

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, thành phố H.

Nơi ở: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, thành phố H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 198x

Trú tại: Thôn T, xã M, huyện Đ, thành phố H.

Có mặt chị H, vắng mặt anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, thành phố H. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, hai vợ chồng chung sống và làm ăn tại thôn T, xã M huyện Đ, thành phố H được một thời gian thì hai vợ chồng về chung sống tại thôn Đ, xã T, huyện Đ, thành phố H. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh Dũng có quan hệ với người phụ nữ khác và thường hay đánh chị và nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cuộc sống chung không còn hòa hợp và hạnh phúc. Từ tháng 8/2018 đến nay anh D về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã M sinh sống, chị cùng hai con ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã T,

chị và anh D sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không được. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên chị xin ly hôn D để hai người được ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 08/3/200x và Nguyễn Tùng A, sinh ngày 18/01/201x. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, hai con ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Tùng A, anh D nuôi cháu Nguyễn Mạnh H và các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay, chị làm công nhân tại Công ty TNHH ITEC Hà Nội, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đồng/tháng, hiện chị đang sống cùng nhà của bố mẹ để ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày: Về tình cảm: Anh đồng ý với trình bày của chị H về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh xác định từ năm 2016 đến nay vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, chị H đi làm từ sáng đến tối không chăm lo cho chồng con gia đình. Từ tháng 11/2018 đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không có trách nhiệm gì với nhau. Nay, chị H xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn chị H để hai người ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 08/3/200x và Nguyễn Tùng A, sinh ngày 18/01/201x. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, anh làm thợ cơ khí, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/tháng, hiện anh đang sống cùng nhà của bố mẹ để ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết tại Tòa án anh D và chị H đã thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận giải quyết về con chung và tài sản chung: anh D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con và tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian chờ Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự theo quy định của pháp luật chị H có đơn yêu cầu thay đổi sự thỏa thuận, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tùng A, anh D nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mạnh H và hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau. Sau khi chị H có đơn đề nghị thay đổi nội dung thỏa thuận, Tòa án đã thông báo cho anh D biết và triệu tập anh D đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng anh D không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến của mình đối với việc chị H thay đổi nội dung thỏa thuận đến Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2019, ông Nguyễn Văn H và bà Chủ Thị L là bố, mẹ đẻ anh D cho biết: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và con chung đúng như anh D trình bày. Về việc chị H

xin ly hôn anh D, là bố mẹ ông bà không mong muốn anh chị ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị về chung sống và nuôi con. Trường hợp mâu thuẫn đã trầm trọng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung thì từ năm 2011 đến nay 02 cháu không sống cùng vợ chồng ông bà mà sống cùng chị H ở nhà ngoại tại xã T, thỉnh thoảng mới về thăm vợ chồng ông bà. Nay, anh chị ly hôn, anh D có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, nếu Tòa án giao cho anh D nuôi 02 con thì vợ chồng ông bà sẽ hỗ trợ anh D nuôi con. Về tài sản chung anh D, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ông bà không có ý kiến gì.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/8/2019, Ủy ban nhân dân xã M có ý kiến: Về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và con chung đúng như chị H, anh D trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, do anh D, chị H chủ yếu sống ở nhà ngoại tại xã T nên chính quyền địa phương không nắm rõ, nay anh D, chị H cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, hiện nay 02 cháu đều sinh sống, học tập tại nhà chị H ở xã T, khi anh, chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Về tài sản chung, anh D, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chính quyền địa phương không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, chị H, vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh D được ly hôn; Về con chung chị đề nghị được nuôi cháu Tùng A, anh D nuôi cháu H, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; Về tài sản chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh D vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không đến Tòa án làm việc, không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H; Về con chung, giao là cháu Tùng A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn D, sinh năm 198x, Trú tại: Thôn T, xã M, huyện Đ, thành phố H, do vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “tranh chấp về ly hôn” và Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố H có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn

phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Dũng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, Thành phố H ngày 18/01/2005 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2018 đến nay. Tại Tòa án anh D, chị H cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hôn nhân phải là sự tự nguyện, cố gắng xây dựng gia đình của cả vợ và chồng, thực tế mâu thuẫn giữa chị H, anh D đã trầm trọng, kéo dài, hai vợ chồng đã sống ly thân, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên việc chị Hương xin ly hôn anh D là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh D.

Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 08/3/200x và Nguyễn Tùng A, sinh ngày 18/01/201x. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Tùng A, anh D nuôi cháu Nguyễn Mạnh H và các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; Anh D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; các con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy: Về chỗ ở, anh D, chị H hiện đang sống ly thân, anh D sống cùng bố, mẹ đẻ tại xã M, chị H sống cùng bố mẹ đẻ tại xã T; chị H, anh D hiện đều có việc làm ổn định, thu nhập tương đương nhau, khoảng 10.000.000 đồng/tháng và có chỗ ở là nhà đất là của bố mẹ đẻ. Do vậy, cần giao cho anh D, chị H mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và các bên không phải cấp dưỡng cho nhau là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện nay của anh D, chị H và đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất cho các con chung. Yêu cầu của chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tùng A, anh Dũng nuôi cháu Nguyễn Mạnh H và các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn D. Chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 08/3/200x cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là cháu Nguyễn Tùng A, sinh ngày 18/01/201x cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2017/0008525 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- TAND TP.H;
- Chi cục THSDS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện Đ T.p H (Giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyển số 01 ngày 18/01/2005).
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)